

BIÊN BẢN
Công khai các khoản lương tháng 10 /2022

***Thời gian** : 15h30' ngày 04 tháng 10 năm 2022

***Địa điểm**: Phòng Hội đồng trường Mầm non Đông Dư

***Thành phần**:

- | | |
|------------------------------|-----------------------------------|
| 1.Đ/c: Nguyễn Thị Phương Anh | - Hiệu trưởng |
| 2. Đ/c : Trần Thị Vân Anh | - Phó Hiệu trưởng – BCH Công Đoàn |
| 3. Đ/c: Vũ Thanh Xuân | - Phó Hiệu trưởng |
| 4. Đ/c: Nguyễn Thị Quỳnh Lan | - Kế toán |
| 5. Đ/c: Nguyễn Thị Thu Hằng | - Văn phòng – Thư ký |
| 6. Đ/c: Đào Thái Hậu | - Tổ trưởng tổ dạy |
| 7. Đ/c: Nguyễn Thị Bích Ngọc | - Tổ trưởng tổ nuôi |

* **Nội dung**: Công khai các khoản lương tháng 10 năm 2022

- *Thực hiện thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo, hệ thống giáo dục quốc dân.*

Chúng tôi tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai các khoản lương tháng 10 năm 2022 để những người có liên quan tham gia đóng góp ý kiến dưới sự chứng kiến của các đồng chí có mặt ở trên.

Tài liệu niêm yết gồm: Biểu mẫu thông báo công khai các khoản lương tháng 10 năm 2022.

Thời gian niêm yết công khai : từ ngày 04/10/2022 đến hết ngày 09/10/2022

Địa điểm công khai : Tại văn phòng trường mầm non Đông Dư

Biên bản kết thúc vào lúc 16h00 cùng ngày, với sự nhất trí của 100% các đồng chí có mặt dự chứng kiến nội dung , hình thức công khai trên.

Thư ký

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đại Diện Công đoàn

Trần Thị Vân Anh

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Phương Anh

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG DƯ
Địa chỉ: Đông Dư - Gia Lâm - Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 10 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Họ và tên	CV	Hệ số	Phụ cấp CV	PCTN NG	Phụ cấp TN	Phụ cấp ngành	Thành tiền	Lương CB	Phụ cấp CV	PC thâm niên NG	PCT N	Phụ cấp ngành	Tổng lương	Các khoản khấu trừ 10,5%BHX H,BHYT, BHTN	Thực lĩnh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phương Anh	HT	3,650	0,50	0,623		1,453	5,438,500	745,000	927,525	2,164,225	9,275,250	746,658	8,528,017			
2	Trần Thị Vân Anh	HP	3,340	0,35	0,590		1,292	4,976,600	521,500	879,696	1,924,335	8,302,131	669,669	7,632,462			
3	Vũ Thanh Xuân	HP	2,720	0,35	0,307		1,075	4,052,800	521,500	457,430	1,601,005	6,632,735	528,332	6,104,403			
4	Nguyễn T Thu Hằng	VP	3,060	0,20				4,559,400	298,000			4,857,400	510,027	4,347,373			
5	Nguyễn Hải Yên	YT	2,460				0,492	3,665,400				733,080	4,398,480	384,867	4,013,613		
6	Nguyễn Thanh Loan	GV	2,720		0,272		0,952	4,052,800		405,280	541,764	1,418,480	5,876,560	468,098	5,408,462		
7	Nguyễn Thủy Kiều	GV	3,460		0,657		1,211	5,155,400		979,526	1,804,390	7,939,316	644,167	7,295,149			
8	Ngô Ngọc San	GV	3,340		0,501		1,169	4,976,600		746,490	1,741,810	7,464,900	600,924	6,863,976			
9	Lê Thị Liên	GV	3,340	0,20	0,496		1,239	4,976,600	298,000	738,444	1,846,110	7,859,154	631,370	7,227,784			
10	Lê Thanh Tuyền	GV	3,030		0,394		1,061	4,514,700		586,911	1,580,145	6,681,756	535,669	6,146,087			
11	Đào Thái Hậu	GV	3,030	0,20	0,388		1,131	4,514,700	298,000	577,524	1,684,445	7,074,669	565,974	6,508,695			
12	Lê Thị Hoàn	GV	3,030		0,364		1,061	4,514,700		541,764	1,580,145	6,636,609	530,929	6,105,680			
13	Nguyễn Thị Hà	GV	3,030		0,333		1,061	4,514,700		496,617	1,580,145	6,591,462	526,188	6,065,274			
14	Lê Thị Thuần	GV	3,030		0,364		1,061	4,514,700		541,764	1,580,145	6,636,609	530,929	6,105,680			
15	Nguyễn Thu Hoài	GV	2,720		0,190		0,952	4,052,800		283,696	1,418,480	5,754,976	455,332	5,299,644			
16	Doãn Thanh Huyền	GV	2,720		0,272		0,952	4,052,800		405,280	1,418,480	5,876,560	468,098	5,408,462			
17	Vũ Hồng Tuyền	GV	2,720		0,218		0,952	4,052,800		324,224	1,418,480	5,795,504	459,588	5,335,916			
18	Ng Thị Thu Trúc	GV	2,720		0,190		0,952	4,052,800		283,696	1,418,480	5,754,976	455,332	5,299,644			
19	Hoàng Thị Giang	GV	2,720		0,272		0,952	4,052,800		405,280	1,418,480	5,876,560	468,098	5,408,462			
20	Hoàng T Lan Hương	GV	2,720	0,20	0,272		1,022	4,052,800	298,000	405,280	1,522,780	6,278,860	499,388	5,779,472	Tặng PCTNN		
21	Bùi Thanh Phương	GV	2,460		0,148		0,861	3,665,400		219,924	1,282,890	5,168,214	407,959	4,760,255			
22	Hoàng Thị Diệp	GV	3,340		0,534		1,169	4,976,600		796,256	1,741,810	7,514,666	606,150	6,908,516			
23	Phùng T Phương Loan	GV	2,460		0,172		0,861	3,665,400		266,578	1,282,890	5,204,868	411,808	4,793,060			
24	Nguyễn Thanh Ngân	GV	2,720		0,218		0,952	4,052,800		324,224	1,418,480	5,795,504	459,588	5,335,916			
25	Hồ Bích Liên	GV	2,720		0,245		0,952	4,052,800		364,752	1,418,480	5,836,032	463,843	5,372,189			
26	Lưu Phương Dung	GV	2,100				0,735	3,129,000		0	1,095,150	4,224,150	328,545	3,895,605			

